

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn giữa chị Mai Hồng Tươi
và anh Phan Hữu Nhân

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Nhân;

Ông Hồ Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Búp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 285/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Hồng T, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; chị T có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phan Hữu N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Hồng T trình bày:

Chị T và chồng là anh Phan Hữu N được cha mẹ gia đình hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/03/2022. Chị T và

anh N quen nhau, cưới nhau trong hạnh phúc, sau khi đám cưới chị T về sống bên gia đình anh N khoảng 15 tháng thì chị T nghi ngờ anh N sử dụng ma túy, cha mẹ chồng cũng biết, có khuyên anh N rất nhiều mà anh N không bỏ được. Đến tháng 05 năm 2023, chị T dẫn con gái Phan Thị Ngọc H về nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang sinh sống, anh N có theo về sinh sống cùng chị T, nhưng anh N chỉ đi chơi không chịu làm ăn, chăm lo gia đình. Vào ngày 10/7/2023, chị T và anh N cự cãi việc anh N đi chơi không lo làm ăn chăm sóc vợ con, thì anh N có cầm mã tấu rượt đuổi chị T và cha mẹ chị T để gây thương tích, gia đình có báo Công an xã T mời anh N làm việc và anh N thừa nhận có sử dụng ma túy. Nay, chị T thấy hạnh phúc hôn nhân không còn nếu kéo được nữa, chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

Quá trình chung sống, chị T và anh N có con chung tên Phan Thị Ngọc H, sinh ngày 09/01/2022, hiện Ngọc H đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về con chung, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng (đóng góp) nuôi con.

Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 26/7/2023, bị đơn anh Phan Hữu N trình bày:

Anh N thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian đám cưới và đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng có phát sinh một chút mâu thuẫn. Chị T yêu cầu ly hôn thì anh N không biết nguyên nhân gì, tuy nhiên anh N vẫn còn thương vợ con, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh N và chị T có con chung tên Phan Thị Ngọc H, sinh ngày 09/01/2022, hiện đang sống cùng với chị T. Anh N đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị T xin ly hôn với anh N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh N có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh N vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật này được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Do vậy, việc chị T và anh N đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2022 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã tuân thủ đúng điều kiện, trình tự, thủ tục về đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân nên được công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị T và anh N đã không làm được điều đó. Chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh N không được bao lâu, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh N không chịu đi làm để chăm lo gia đình, ngày 10/7/2023 chị T và anh N cãi nhau, anh N có sử dụng ma túy, cầm mã tấu rượt đuổi chị T và gia đình để gây thương tích, sự việc này được anh N thừa nhận và theo xác nhận của Công an xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang là anh N nghiện ma túy và có hành vi dùng dao tự chế hăm dọa xâm phạm sức khỏe người khác.

Anh N không đồng ý ly hôn, cho rằng còn thương vợ con. Nhưng hiện tại anh N không còn sống chung với chị T và anh N không có biện pháp để hàn gắn tình cảm với chị T để về chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặt khác, anh N lại sử dụng ma túy, có hành vi xâm phạm sức khỏe của chị T và gia đình chị T.

Từ những nhận định nêu trên, cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ đó, đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị T để giải quyết chị T và anh N ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Xét thấy, cháu Phan Thị Ngọc H, sinh ngày 09/01/2022 đúng là con chung của chị T và anh N, được chị T, anh N thừa nhận và có giấy khai sinh của cháu H để chứng minh. Hiện cháu H do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu H, anh N cũng đồng ý, hiện cháu H còn quá nhỏ (chưa đủ 03 tuổi) và đang sống cùng chị T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về nuôi con chung. Cụ thể, giao cháu H cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo được sự ổn định về điều kiện sống của cháu H và phù hợp quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Do chị T không yêu cầu anh N có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu H nên Hội đồng xét xử không xem xét về chi phí đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung của chị T và anh N.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 91, 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Hồng T và anh Phan Hữu N.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Phan Thị Ngọc H, sinh ngày 09/01/2022 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu H đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng). Chị T không yêu cầu anh N đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu H cùng chị T.

Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003490 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho anh N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý; (GCNKH số 20 ngày 16/03/2022)
- Lưu: HSVA, VP, (Búp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Kiến